TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/DS-PT
Ngày: 07/6/2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5795/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1952; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Ông H có mặt. Bà H2 vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Ngọc T(đã chết) và bà Đinh Thị V , sinh năm 1939; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Bà V vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Anh Bùi Quốc T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L - Chuyên viên phòng TNMT. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh S - Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Thu H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Anh Bùi Quốc T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Anh Bùi Quốc T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T3; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, vụ án có nội dung như sau:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Hvà bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Đầu năm 1993 gia đình mua lại đất của ông Nguyễn Quang Cvà được Uỷ ban nhân dân thị xã HL ra Quyết định cấp đất số 269/QĐ-UBND ngày 8/8/1993, có diện tích đất ở là 176m^2, vị trí tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Nam giáp đất ông T dài 28m
- Phía Bắc giáp đất anh A (nay là đất anh T3) dài 28m
- Phía Đông giáp đất ông C dài 5,6m
- Phía Tây giáp Quốc lộ 1A dài 7m

Năm 1999 gia đình phát hiện thấy gia đình ông T và bà V hộ liền kề ở phía Nam lấn chiếm trái phép đất của gia đình như sau:

Phía trước giáp đường 1A chiều ngang dài 7,0m bị lấn 0,5m chỉ còn 6,5m

Phía sau giáp đất ông Căn chiều ngang dài 5,6m nay chỉ còn 4,7m bị lấn chiếm 0,9m.

Tổng diện tích đất bị lấn chiếm là 20m^2 đất ở.

Vì vậy, ông H, bà H2 khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc gia đình ông T, bà V phải trả lại số đất lấn chiếm trái phép cho gia đình có chiều ngang phía trước 0,5m, chiều ngang phía sau 0,9m, tổng diện tích 20m^2 và buộc gia đình bà V, ông T tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất lấn chiếm.

- Bị đơn bà Đinh Thị V và người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Gia đình bà V mua đất của ông M khi gia đình ông H chưa mua đất của ông C. Gia đình được UBND thị xã HL giao đất theo quyết định số 107/GP-UB ngày 24/3/1993, còn ông H vào tháng 8/1993 mới được giao. Sau khi về sinh sống ông H xây hàng rào kiên cố. Năm 1999, ông H đập hàng rào xây nhà và chân cột trụ nằm ở nhà bà, giữa hai bên xẩy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã giải quyết và hai bên đã có thoả thuận về ranh giới. Căn cứ vào ranh giới thoả thuận nên gia đình bà đã xây dựng nhà kiên cố. Bà V không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà cho rằng giữa hai gia đình đã có thoả thuận ranh

giới xác định vào năm 2000 và đã được UBND thị xã HL ra Quyết định công nhận. Đồng thời, tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cũng đề nghị xem xét xác định ranh giới thửa đất của hai gia đình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H1 và anh Bùi Quốc T1: Đều có ý kiến trình bày thống nhất với ý kiến của bà Đinh Thị V .

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Quốc T2: Hiện nay không có mặt tại địa phương; quá trình giải quyết vụ án Toà án đã làm việc với bà Đinh Thị V , là mẹ đẻ của anh T1 yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh T1 nhưng bà V không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T1. Toà án đã tiến hành xác minh tại UBND phường B, thị xã HL, nơi cư trú cuối cùng của anh T1 nhưng chính quyền địa phương cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Bùi Quốc T2. Căn cứ văn bản số 19360/QLXNC-P5 ngày 30/8/2021 của Cục xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: *Anh Bùi Quốc T2, đã xuất cảnh 10 lần, xuất cảnh lần gần nhất ngày 10/7/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*. Vì vậy, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án và yêu cầu anh T1 phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để làm việc nhưng cho đến nay anh Bùi Quốc T2vẫn vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã HL trình bày:

+ Về nguồn gốc đất: Gia đình ông Nguyễn Ngọc Hsử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đất ở của gia đình ông C và được UBND thị xã HL giao đất tại Quyết định số 269(GP/UB) ngày 08/8/1993. Gia đình ông Bùi Ngọc Tsử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đất ở của gia đình ông M và được UBND thị xã HL giao đất tại Quyết định số 107/GP-UB ngày 24/3/1993.

+ Quá trình sử dụng đất: Giai đoạn trước năm 1999, cả hai hộ sử dụng ổn định, không có tranh chấp: Năm 1998 UBND phường B đo vẽ bản đồ địa chính theo quyết định 371 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, thửa đất hộ ông H và hộ ông T có thể hiện trên bản đồ và hồ sơ lưu trữ. Ông T đã ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất vào ngày 21/2/1998 (các chủ sử dụng liền kề có: Ông H; ông T3 và ông C); Ông H đã ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất vào ngày 21/2/1998 (các chủ sử dụng đất liền kề có: Ông T, ông A và ông C). Trên tờ bản đồ số 45 (lập 1998), đất ông T thuộc thửa 19, diện tích 155,7m^2. Đất ông H thuộc thửa 18, diện tích 187,8m^2 .

+ Về hiện trạng sử dụng: Sở tài nguyên và môi trường đã chỉ đạo đo vẽ hiện trạng, diện tích đất 02 hộ được xác định theo đường ranh giới, theo đó: Đất ông Bùi Ngọc T(Bà Đinh Thị V) đang sử dụng, diện tích 315,4m^2, bao gồm 02 thửa: Thửa đất theo quyết định 107/GP-UB ngày 24/3/1993 diện tích 103m^2 và thửa đất của ông Tuyển (con rể ông T) được UBND thị xã HL cấp tại Quyết định 2491/GP-UB ngày 10/12/1993 diện tích 100m^2, hiện nay ông T (bà V) đang sử dụng nhưng chưa làm thủ tục theo quy định. Diện tích thực tế gia đình ông T đang sử dụng lớn hơn so với 02 quyết định giao đất là: 315,4m^2 – 203m^2

= 112,4m^2 . Đất ông Nguyễn Ngọc Hđang sử dụng diện tích 174,5m^2. Trước khi đo vẽ ông H đã được nhà nước bồi thường 21,6m^2 . Như vậy diện tích thực tế ông H đang sử dụng lớn hơn so với quyết định giao đất là: (174,5m^2 + 21,6m^2) = 199,5m^2 – 176m^2 = 20,1m^2.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, UBND thị xã HL đề nghị Toà án nhân dân tỉnh căn cứ vào các quyết định giao đất và hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình để giải quyết theo quy định.

- *UBND phường B:* Có quan điểm trình bày thống nhất với ý kiến của UBND thị xã HL.

** Về quá trình giải quyết vụ án:*

- Tại Quyết định số 01/DSST ngày 26/5/2000 Toà án nhân dân thị xã HL đình chỉ vụ án với lý do tranh chấp của các đương sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Ngày 05/6/2000 ông Nguyễn Ngọc Hlàm đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ nêu trên.

- Tại Bản án số 13/DS-PT ngày 29/6/2000 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử: Giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ kiện đến UBND thị xã HL giải quyết theo thẩm quyền.

- Tại Quyết định số 209 QĐ-UB ngày 05/7/2000 của UBND thị xã HL đã công nhận thoả thuận giữa hai hộ gia đình hộ ông Nguyễn Ngọc Hvà hộ ông Bùi Ngọc Ttheo Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai lập ngày 03/7/2000. Tuy nhiên, sau đó do ông H không nhất trí với Quyết định 209 QĐ-UB và tiếp tục khởi kiện ra Toà án.

- Tại Bản án số 01/DSST ngày 15/01/2003 của Toà án nhân dân thị xã HL, xử: Buộc bà Đinh Thị V phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Hsố đất bị lấn chiếm với diện tích 10,25m^2. Bà V phải giải phóng mặt bằng trên diện tích đất là 10,25m^2 để trả lại đất cho ông H.

Sau khi xét xử sơ thẩm phía nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại bản án số 12/DS-PT ngày 13/5/2003 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Huỳnh, bác đơn kháng cáo của bà Đinh Thị . Sửa một phần án sơ thẩm số 01 ngày 15/01/2003 của Toà án nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh: Buộc bà Đinh Thị V (vợ ông T) phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Hsố đất bị lấn chiếm là 11,5m^2.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 216/GĐT-DS ngày 19/11/2003 của Toà án nhân dân tối cao quyết định: Huỷ bản án phúc thẩm số 12/DSPT ngày 13/5/2003 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại bản án số 06/DS-PT ngày 19/4/2004 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, xử: Tuyên bố không đủ căn cứ giải quyết việc ông Nguyễn Ngọc Hkhởi kiện bà Đinh Thị lấn chiếm đất. Đồng thời bản án phân định mốc ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Ngọc Hvà bà Đinh Thị V dựa trên

hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 27/GĐT-DS ngày 03/02/2005 của Toà án nhân dân tối cao quyết định: Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 01 ngày 15/01/2003 của Toà án nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh và huỷ bản án dân sự phúc thẩm số 06 ngày 19/4/2004 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Lý do huỷ và đình chỉ việc giải quyết vụ án là vì đến thời điểm ông H khởi kiện thì Quyết định hành chính số 209/QĐ-UB ngày 05/7/2000 của Uỷ ban nhân dân thị xã HL vẫn tồn tại hợp pháp nên ông H không có quyền khởi kiện vụ án dân sự.

- Tại quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 UBND thị xã HL đã bãi bỏ Quyết định số 209/QĐ-UB ngày 05/7/2000 của UBND thị xã HL.

- Tại Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 29/01/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã HL đã bãi bỏ Quyết định số 209/QĐ-UB ngày 05/7/2000 và Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND thị xã HL.

* Căn cứ Quyết định chuyển vụ án số 01/QĐST-DS ngày 19/5/2021 của Toà án nhân dân thị xã HL và Quyết định số 104/NQ-HĐND ngày 29/01/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã HL, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm số 15/2021/TLST- DS ngày 29/6/2021.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 175, 263, 264, 270 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 73 Luật đất đai 1993; khoản 5 Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số đất lấn chiếm trái phép có chiều ngang phía trước 0,5m, chiều ngang phía sau 0,9m, tổng diện tích 20m^2 và buộc gia đình bà V, ông T tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất lấn chiếm. Xác định ranh giới thửa đất giữa gia đình ông Nguyễn Ngọc Hvà gia đình bà Đinh Thị V (ông Bùi Ngọc T) là điểm nối từ mép chân đế cột trụ mặt tiền phía Nam nhà ông H đến bờ tường cũ nhà bà Đinh Thị V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định:

Căn cứ Điều 175, 263, 264, 270 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 26, Điều 147, Điều 157, 165, 166, 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 73 Luật đất đai 1993; khoản 5 Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc

H, bà Nguyễn Thị H2 về việc buộc gia đình bà Đinh Thị V , ông Bùi Ngọc Tphải trả lại số đất lấn chiếm trái phép cho gia đình có chiều ngang phía trước 0,5m, chiều ngang phía sau 0,9m, tổng diện tích 20m^2 và buộc gia đình bà V, ông T tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất lấn chiếm.

2. Xác định ranh giới thửa đất giữa gia đình ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị H2 và gia đình bà Đinh Thị V, ông Bùi Ngọc Ttheo hiện trạng sử dụng, cụ thể như sau:

- Phía Nam đất của gia đình ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị H2 giáp đất gia đình bà Đinh Thị V, ông Bùi Ngọc Tcó kích thước 13,34m + 0,05m + 5,83m + 7,63m + 2,67m, cụ thể: Phía trước (Phía Tây) tính từ mép ngoài (mép Phía Nam) chân đế cột trụ nhà ông H, bà Hương; phía sau (Phía Đông) tính theo bức tường cũ và nhà vệ sinh gia đình bà Đinh Thị V; phần giữa tính theo mái nước giọt giữa hai gia đình.

- Phía Bắc đất của gia đình bà Đinh Thị V, ông Bùi Ngọc Tgiáp đất ông Nguyễn Ngọc Huỳnh, bà Nguyễn Thị H2 có kích thước 13,34m + 0,05m + 5,83m + 7,63m + 2,67m, cụ thể: Phía trước (Phía Tây) tính từ mép ngoài (mép Phía Nam) chân đế cột trụ nhà ông H, bà H2; phía sau (Phía Đông) tính theo bức tường cũ và nhà vệ sinh gia đình bà Đinh Thị V ; phần giữa tính theo mái nước giọt giữa hai gia đình.

3. Giữ nguyên hiện trạng hiện có đối với phần công trình xây dựng vượt quá ranh giới hiện trạng (ranh giới thửa đất được xác định) của gia đình ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị H2 và gia đình bà Đinh Thị V, ông Bùi Ngọc T.

4. Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị H2 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Gia đình bà Đinh Thị V , ông Bùi Ngọc Tcó quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần thửa đất được sử dụng hợp pháp.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/4/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Hcó đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử buộc bà V phải trả cho ông bà diện tích đất bị lấn chiếm là 20m^2 và tháo dỡ các công trình xây dựng xây lấn.

- Bị đơn vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên hòa giải tại phiên tòa, các bên được trình bày ý kiến công khai, tranh luận một cách dân chủ, thành phần Hội đồng xét xử và phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về quan hệ pháp luật, Tòa án sơ thẩm xác định đây là tranh chấp mốc giới ngăn cách các bất động sản là chính xác.

Về nội dung vụ án: Do vụ án tranh chấp đất đai giữa ông H và bà V đã được giải quyết bằng Quyết định giám đốc thẩm số 27 ngày 03/2/2005 của TANDTC. Vụ án này không thuộc trường hợp *đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ.* Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c Khoản 1 Điều 192 BLTTDS vụ án đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì phải đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 10/5/2019, UBND thị xã HL ra Quyết định 975 bãi bỏ Quyết định 209 ngày 05/7/2000 của UBND thị xã HL. Lẽ ra TAND tỉnh Hà Tĩnh phải hướng dẫn ông H làm đơn đề nghị tái thẩm mới đúng quy định pháp luật, nhưng TAND tỉnh Hà Tĩnh lại thụ lý vụ án mới để giải quyết và tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không chính xác.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Vụ án thuộc quan hệ tranh chấp mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản liền kề; Ngày 01/12/2020 Toà án nhân dân thị xã HL thụ lý giải quyết vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án xác định bị đơn ông Bùi Ngọc Tđã chết (ông T chết ngày 17/5/2020); ông T, bà V có ba người con là chị Bùi Thị Hà, anh Bùi Quốc T2và anh Bùi Quốc T. Do ông T đã chết nên chị H1, anh T1, anh T1 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, hiện nay anh Bùi Quốc T2đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Toà án nhân dân thị xã HL căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết theo thẩm quyền là đúng.

[2]. Về nội dung:

Năm 1999, gia đình ông H và gia đình bà V phát sinh tranh chấp đất đai về ranh giới đất. Ngày 05/7/2000, UBND thị xã HL đã ban hành Quyết định 209/QĐ-UB giải quyết việc tranh chấp giữa các đương sự. Do không đồng ý với quyết định 209/QĐ-UB ông H khiếu nại, tại công văn số 150/CV-UB Ủy ban nhân dân thị xã HL đã giải quyết khiếu nại của ông H và khẳng định quyết định 209 là đúng.

Sau đó, không đồng ý với Quyết định 209, ông H lại tiếp tục khởi kiện vụ án dân sự ra Tòa án, yêu cầu buộc bà Đinh Thị V trả lại số đất lấn chiếm, với tổng diện tích 20m^2.

Bản án dân sự số 01 ngày 15/01/2003 của TAND thị xã HL xử: Buộc bà V trả lại cho ông H số đất bị lấn chiếm với diện tích 10,25m^2. Bà V phải giải phóng mặt bằng trên diện tích 10,25m^2 để trả lại đất cho ông H. Bản án dân sự phúc thẩm số 12 ngày 13/5/2003 của TAND tỉnh Hà Tĩnh xử: Chấp nhận đơn kháng cáo ông Nguyễn Ngọc H, sửa một phần bản án sơ thẩm: Buộc bà V phải trả lại ông H số đất bị lấn chiếm là 11,5m^2. Quyết định GĐT số 216 ngày 19/11/2003 của TANDTC: Hủy bản án phúc thẩm số 12, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm. Bản án số 06 ngày 19/4/2004 của TAND tỉnh Hà Tĩnh xử: Tuyên bố không đủ căn cứ giải quyết việc ông H khởi kiện bà V chiếm đất. Đồng thời phân định mốc ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình ông H và bà V dựa trên hiện trạng sử dụng đất. Quyết định Giám đốc thẩm số 27 ngày 03/2/2005 của TANDTC quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01 ngày 15/01/2003 của TAND thị xã HL và Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 06 ngày 19/4/2004 của TAND tỉnh Hà Tĩnh. Đình chỉ giải quyết vụ án. Lý do hủy: Đến thời điểm ông H khởi kiện thì Quyết định hành chính số 209/QĐ-UB ngày 05/7/2000 của UBND thị xã HL đã có hiệu lực pháp luật và vẫn tồn tại hợp pháp nên ông H không có quyền khởi kiện vụ án dân sự.

Ngày 10/5/2019, UBND thị xã HL ra Quyết định 975/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định 209/QĐ-UB ngày 05/7/2000 của UBND thị xã HL. Ngày 03/7/2019, ông H có đơn khởi kiện đến TAND thị xã HL, tòa án đã thụ lý vụ án, sau đó chuyển hồ sơ vụ án đến TAND tỉnh Hà Tĩnh và được TAND tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án - thụ lý số 15 ngày 29/6/2021. Tại đơn khởi kiện, ông H yêu cầu buộc gia đình ông T, bà V phải trả lại số đất lấn chiếm trái phép cho gia đình ông, chiều ngang phía trước 0,5m, chiều ngang phía sau 0,9m, tổng diện tích 20m^2.

Xét thấy, từ những năm 2000, ông H đã có đơn khởi kiện đến TAND thị xã HL yêu cầu gia đình bà V trả lại số đất lấn chiếm cho gia đình ông với tổng diện tích 20m^2. Như vậy, yêu cầu khởi kiện ngày 03/7/2019 của ông H có nội dung giống với yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án xét xử từ năm 2000 và Quyết định Giám đốc thẩm số 27 ngày 03/2/2005 của TANDTC đã và đang có hiệu lực pháp luật, đình chỉ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xác nhận đơn khởi kiên năm 2019 không khác đơn khởi kiện trước đây về nguyên đơn, bị

đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp. Vụ án này cũng không thuộc trường hợp đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ...

Điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS quy định về trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án: *"...c) Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại, yêu cầu thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản, thay đổi người giám hộ hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu và theo quy định của pháp luật được quyền khởi kiện lại;".* Như vậy, vụ án tranh chấp đất đai giữa ông H và bà V đã được giải quyết bằng Quyết định giám đốc thẩm số 27 ngày 03/2/2005 của Tòa án nhân dân tối cao, Quyết định này đang có hiệu lực pháp luật. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì lẽ ra phải đình chỉ giải quyết vụ án.

Việc Ủy ban nhân dân thị xã HL ra Quyết định 975/QĐ-UB bãi bỏ Quyết định 209/QĐ-UB ngày 05/7/2000 của UBND thị xã HL được xác định là tình tiết mới, làm thay đổi nội dung vụ án. Lẽ ra TAND tỉnh Hà Tĩnh hướng dẫn ông H làm đơn đề nghị tái thẩm theo quy định pháp luật nếu có yêu cầu, nhưng TAND tỉnh Hà Tĩnh lại thụ lý vụ án mới để giải quyết vụ án là không chính xác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Kháng cáo của nguyên đơn liên quan đến nội dung vụ án, do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không giải quyết tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[3]. Về án phí: Do ông H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Hkhông phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000183 ngày 10/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự Hà Tĩnh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, phòng HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Điều Văn Hằng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Tuyển **Nguyễn Huyền Cường** **Điều Văn Hằng**